

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

Ý NGHĨA CỦA “IM LẶNG” TRONG HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG*

TÓM TẮT: Im lặng là một trong những đặc trưng quan trọng của hội thoại. Qua khảo sát 300 tình huống giao tiếp tiếng Việt với 745 lượt im lặng, chúng tôi nhận thấy im lặng có thể mang rất nhiều ý nghĩa khác nhau, có thể là tích cực, tiêu cực hoặc trung tính. Sự im lặng trong giao tiếp thường không xuất hiện một mình, nó thường được kết hợp với những cử chỉ, điệu bộ khác để giúp chủ thể, im lặng có thể truyền tải thông điệp một cách rõ ràng và chính xác nhất. Vì vậy, để xác định được ý nghĩa của thông điệp mà im lặng truyền tải phải căn cứ vào các yếu tố ngôn từ, phi ngôn từ đi kèm cũng như các yếu tố khác của ngữ cảnh.

TỪ KHÓA: Im lặng; giao tiếp phi ngôn từ; ngôn ngữ cơ thể; cử chỉ; hội thoại.

NHẬN BÀI: 27/10/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 18/11/2022

1. Dẫn nhập

Im lặng là một trong những đặc trưng quan trọng của hội thoại. Theo Kenny (2011) thì im lặng có bản chất giống như lời nói trong mối quan hệ đối với sự tồn tại của con người. Im lặng không chỉ đơn thuần là sự vắng mặt của âm thanh. Trong thực tế, im lặng hàm chứa những ý nghĩa nội tại của nó.

Việc xác định im lặng là một vấn đề phức tạp và đầy thách thức bởi vì các nhà nghiên cứu khác nhau lại quan niệm về sự im lặng theo nhiều cách khác nhau. Trong ngôn ngữ học, im lặng đã từng được xem là một ngôn ngữ không có ý nghĩa. Nó chỉ được công nhận có chức năng đánh dấu ranh giới ở đầu và cuối của các cách nói và được định nghĩa theo cách tiêu cực là chỉ sự vắng mặt của lời nói (Saville-Troike, 1985). Theo cách hiểu này, im lặng thường được xác định trong mối quan hệ với âm thanh. Chẳng hạn, Bruneau (1973) xác định ba loại im lặng chính: 1) Im lặng tâm lý học; 2) Im lặng tương tác và 3) Im lặng văn hóa xã hội. Loại đầu tiên, bao gồm do dự, nói lắp, v.v. là loại ngắn nhất. Hai loại cuối cùng là các điểm ngừng ngắt dài hơn theo ngữ cảnh trong cuộc hội thoại. Đây là những gián đoạn tạm thời trong đối thoại, trò chuyện, thảo luận hoặc tranh luận.

Tannen và Saville-Troike (1985) cũng nhấn mạnh rằng im lặng có thể bao gồm (từ ngắn nhất đến dài nhất): 1) tạm dừng âm thanh không được chú ý; 2) tạm ngừng (hoặc ngập ngừng, hoặc tại các điểm luân phiên lượt lời trong cuộc thoại); 3) hoàn toàn không có âm thanh từ một người đối thoại; 4) im lặng được đánh dấu và mang nghĩa (tr.xvii). Tuy nhiên, khi việc ngưng âm thanh không được chú ý và chỗ ngừng rất ngắn được coi là trường hợp im lặng thì có thể nó không mang ý nghĩa gì cả, vì những khoảng khắc ngắn ngủi này xảy ra trong và giữa các lượt lời có thể vận hành theo một cơ chế tự động trước khi đi tới lượt lời tiếp theo. Blimes (1994) và Jaworski và Sachdev (1998) cũng chỉ ra rằng im lặng là quan yếu với hội thoại vì hội thoại không thể bao gồm hoàn toàn chỉ có nói chuyện. Nakane (2007) khảo sát im lặng theo tám cấp độ, từ các đơn vị vi mô đến các đơn vị vĩ mô: 1) tạm dừng trong và giữa các lượt lời; 2) hồi đáp im lặng; 3) bị im lặng và giữ im lặng; 4) không tham dự vào các cấu trúc tham gia cụ thể; 5) không tham gia tương tác về các chủ đề cụ thể; 6) không đảm nhận vai trò người nói nhất định; 7) không thực hiện một số hành vi phát ngôn nhất định, 8) không thường xuyên tham gia (tr.198). Hai cấp độ đầu tiên của phân loại này tương ứng với ba cấp độ im lặng đầu tiên của Tannen và Saville-Troike. Sáu cấp độ cuối cùng liên quan chặt chẽ hơn đến các tình huống nói chuyện cụ thể.

Trong phân tích hội thoại, im lặng cũng được định nghĩa là khoảng trống giữa các lượt lời. Điều này được thể hiện trong mô hình cơ chế luân phiên lượt lời cơ bản của người nói trong hội thoại do Harvey Sack, Emanuel Schegoff và Gail Jefferson đề xuất (1974). Theo họ, bất kỳ sự im lặng trong cuộc trò chuyện đều có thể được coi là quan trọng. Ngay cả khi không ai nói thì im lặng có thể được gán cho người này hoặc người khác.

* TS; Viện Ngôn ngữ học; Email: nguyenphuong83qlkh@gmail.com

Quan niệm về im lặng cũng được nhắc đến trong nhiều các công trình nghiên cứu khác như Haas (1957), Tannen (1985), Blimes (1994), Walker, Drew và Local (2011)... Im lặng có thể được nhìn nhận dưới góc độ cấu trúc, chẳng hạn, là "sự lược bỏ của hình vị và từ trong cấu trúc cú pháp" (Haas, 1957), hoặc từ góc độ chức năng sử dụng: Im lặng là không nói/ không trả lời/ không hồi đáp (dẫn theo Nakane, 2007).

Im lặng cũng được nghiên cứu theo hướng tâm lý, văn hóa, xã hội như công trình "Gender, Participation and Silence in the Language Classroom" của Allyson Jule (2004) đã khảo sát sự tham gia bằng ngôn từ hoặc im lặng của các học viên trong lớp học ngôn ngữ thứ hai. Qua đó chỉ ra vai trò của nhân tố: mối quan hệ giữa các học viên, giới, văn hóa dân tộc chi phối sự im lặng hay tích cực tham gia phát biểu của các học viên. Công trình chỉ ra xu hướng nữ học viên im lặng nhiều hơn nam học viên dưới sự chi phối của các quan niệm về giới.

Nghiên cứu về im lặng trong tiếng Việt, Phạm Văn Tình (2006) cho rằng, im lặng là một dạng tình lược toàn phần và do đó nó có những giá trị nhất định về giao tiếp. Im lặng có chức năng như một thông điệp ngầm ẩn mà giá trị của nó chỉ được xác lập nhờ các phát ngôn trước (nếu im lặng ở cuối) hoặc các phát ngôn sau (nếu im lặng ở giữa).

Diệp Quang Ban (2009) cũng đã đề cập đến yếu tố "im lặng" trong hội thoại mà ông gọi là "chỗ ngừng". Một cuộc thoại gồm từ hai người trở lên, cho nên hệ điều hành cục bộ là cần thiết để cho cuộc thoại được tiến triển một cách thông suốt. Nếu những người dự thoại tuân theo hệ thống này thì việc các lần chuyển tiếp lượt lời sẽ suôn sẻ. Tuy nhiên, sự chuyển tiếp giữa hai lượt lời có thể bị ngưng đọng tạo nên những khoảng im lặng dài được gọi là "chỗ ngừng" (Pause). Tác giả cũng phân biệt chỗ ngừng quy gán và chỗ ngừng không quy gán. Chỗ ngừng không quy gán là khoảng im lặng ở điểm kết thúc một lượt lời, khi người nói kết thúc một lượt lời và không có ý định chuyển tiếp cho lượt lời tiếp theo, và cũng chưa ai nhận lượt lời tiếp theo. Chỗ ngừng được quy gán (attributable) làm mất đi tính uyển chuyển, nhịp nhàng của việc chuyển tiếp lượt lời, tức là người nói trước chuyển tiếp lượt lời cho người nói tiếp theo và người tiếp theo thực hiện lượt lời của mình bằng một sự im lặng, một chỗ ngừng. Sự im lặng này luôn mang một giá trị hàm chứa một ý nghĩa nào đó (chỉ có điều ý nghĩa đó không được diễn tả bằng từ ngữ), có thể là sự thiếu vắng độ thân thiện, không thoải mái, không tiện nói ra, bằng lòng miễn cưỡng hoặc không bằng lòng... Đó cũng chính là hàm ý hội thoại. (tr.72-73). Quan điểm của tác giả Diệp Quang Ban hoàn toàn thống nhất với quan điểm của George Yule (1996) trong cuốn "Pragmatics".

Đỗ Thị Lan Phương (2014) đã nghiên cứu so sánh đối chiếu về ý nghĩa của im lặng của người Việt Nam, người Úc gốc Việt và người Úc. Theo tác giả, im lặng không phải chỉ dừng lại ở sự khiêm diện của âm thanh mà có thể mang nhiều hàm nghĩa khác nhau. Thông qua một số khảo sát, tác giả cũng đi đến kết luận rằng người Úc thường giữ im lặng trong các tình huống hơi nhiều so với người Việt. Trong khi đó, người Úc gốc Việt dường như chỉ giữ im lặng chỉ trong một tình huống giả định được đưa ra.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi quan niệm "im lặng" gồm hai cấp độ: Im lặng trong lượt lời và im lặng ngoài lượt lời. Im lặng trong lượt lời là những khoảng ngừng (ngập ngừng) trong một lượt lời. Im lặng ngoài lượt lời có thể là khoảng ngừng giữa các lượt lời hoặc là hồi đáp im lặng. Hồi đáp im lặng tức là người nói trước chuyển tiếp lượt lời cho người nói tiếp theo và người tiếp theo thực hiện lượt lời của mình bằng một sự im lặng. Tất cả những sự im lặng này luôn hàm chứa một ý nghĩa nào đó (chỉ có điều ý nghĩa đó không được diễn tả bằng từ ngữ). Đó cũng chính là hàm ý hội thoại.

2. Ý nghĩa của "im lặng" trong hội thoại tiếng Việt

"Im lặng" trong hội thoại có giá trị như một thông báo. Các thông báo thuộc dạng này, chứa đựng một thông điệp mà chủ thể giao tiếp muốn thông qua hành vi im lặng để truyền đi.

Có thể nói, trên bình diện ngữ nghĩa, sự im lặng là một hàm số đa trị. Mỗi một giá trị của nó là một ẩn số, tồn tại trong từng ngữ cảnh và phụ thuộc vào từng tình huống giao tiếp. Theo Phạm Văn Tình (2006), "*người đối thoại không được phép chủ quan gán ghép bất cứ ý nghĩa nào cho một hành vi im lặng nếu chưa đối chiếu nó với các phát ngôn trong mạch diễn ngôn*". R.Mihailă thì cho rằng "*Sự im lặng trở nên thích đáng, với tư cách là một hành vi, khi chỉ đối chiếu với những tình huống*" (Dẫn theo Nguyễn Dương, 1996).

Qua khảo sát 300 tình huống hội thoại tiếng Việt với 745 lượt “im lặng”, được thu thập qua các bộ phim, các chương trình truyền hình trực tiếp, các clip ghi lại các đoạn thoại tự nhiên và quan sát trực tiếp các tình huống giao tiếp hàng ngày,... chúng tôi nhận thấy “im lặng” có thể mang rất nhiều ý nghĩa khác nhau. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi chỉ xin điểm qua một số ý nghĩa thường gặp của im lặng trong hội thoại tiếng Việt.

a) Im lặng mang ý nghĩa không đồng tình, phản đối, chống đối

Không đồng tình, phản đối, chống đối là loại ý nghĩa thường gặp và cũng dễ nhận thấy mà chủ thể “im lặng” muốn truyền tải đến đối ngôn. Mức độ phản đối, ở từng tình huống cụ thể, có thể khác nhau. Song, chúng đều cùng thể hiện thái độ phản ứng của chủ thể hành vi im lặng, khi các thông tin trong thông điệp gây phiền toái cho bản thân họ, trái ngược với nhu cầu và nguyện vọng của họ.

Khảo sát sự im lặng trong các tình huống sau:

Ví dụ 1:

- Mẹ: Mẹ nói con ăn cơm đi

- Con: [...] (*Tay chống cằm, xem ti vi*)

- Mẹ: Bây giờ con muốn làm sao? Mẹ có dạy con đi đánh nhau với bạn không hả? Con muốn làm một người tử tế hay là một đứa côn đồ mất dạy hả?

- Con: [...] (***mắt nhắm, tay chống cằm***) Tại sao con lại có mẹ như mẹ. Con không muốn sinh ra trong cái nhà này.

- Mẹ: Trú, Trú! (Clip: Ngàn Lăn Con Xin Lỗi Mẹ)

Trong tình huống trên, im lặng là một chỉ báo rõ ràng thể hiện thái độ chống đối của cô con gái đối với mẹ. Ở lần im lặng thứ nhất, cô gái đã dùng cách không trả lời, không làm theo lời yêu cầu “ăn cơm đi” của mẹ, thậm chí còn không tương tác với mẹ bằng cách “*chống tay lên cằm*”, nhìn đi chỗ khác (xem ti vi). Thái độ này thể hiện một sự chán ghét, bất đồng sâu sắc, không muốn tiếp tục cuộc giao tiếp. Ở lần im lặng thứ hai, sự im lặng kéo dài 5 giây và vẫn kèm theo các cử chỉ thể hiện sự bất hợp tác “*nhắm mắt + tay chống cằm*”. Trước những câu hỏi dồn ép của mẹ, cô con gái miễn cưỡng trả lời bằng một phát ngôn thể hiện sự chán ghét đến cùng cực đối với người mẹ và gia đình. Có thể nói, trong ví dụ này, ý nghĩa của các cử chỉ, ngôn từ đi kèm là đồng hướng với ý nghĩa của các quãng lặng, cùng cộng hưởng để làm cho thái độ bất đồng, chống đối của chủ thể hành vi im lặng trở nên rõ ràng và đậm nét.

Ví dụ 2:

- Chàng trai: Đấy cô giải thích đi, giải thích đi tôi chạy xe ôm cả một tuần trời mưa được cho cô cái màn hình, vẫn còn nợ tiền đây này. Thế bây giờ là chấm hết nha. Được chưa?

- Cô gái: [...] (*lắc đầu, túm chặt áo bạn trai, mím môi, nhìn chàng trai*)

- Chàng trai: Lắc cái gì. Bây giờ cô đi với thằng này rồi lắc cái gì.

- Cô gái: [...] (*Lắc đầu, túm chặt tay áo chàng trai, mắt nhìn xuống chân khóc*)

Đây là đoạn nói chuyện giữa một chàng trai và một cô gái đang yêu nhau nhưng chàng trai lại phát hiện cô gái đi chơi với người khác. Trước lời chất vấn và đề nghị chia tay của chàng trai, cô gái đã “im lặng”. Ý nghĩa của lần “im lặng” đầu tiên trong tình huống này cũng có thể dễ dàng được lí giải thông qua việc giải mã những hiện tố phi ngôn từ đi kèm như “*lắc đầu*” (thể hiện sự không đồng ý, phản đối); “*túm chặt tay áo, nhìn thẳng vào đối phương*” (thể hiện thái độ muốn níu kéo sự kết nối), “*mím môi*” (thể hiện sự quyết tâm). Như vậy, im lặng trong trường hợp này mang ý nghĩa phản đối quyết định của đối phương và tha thiết mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ tình cảm giữa hai người. Tương tự, ở lần im lặng thứ hai, cô gái vẫn tiếp tục thể hiện thái độ kiên quyết không từ bỏ, không đồng ý chia tay. Tuy nhiên, ánh mắt đã đổi hướng, từ chỗ nhìn thẳng vào chàng trai đến nhìn xuống chân mình, điều này chứng tỏ sự im lặng của cô gái lần này không chỉ là kiên trì phản đối chia tay, cầu xin tha thứ mà còn là chứa đựng sự ăn năn, hối hận và xấu hổ vì những việc mình đã gây ra.

Khác với tình huống 1, sự phản đối ở đây theo hướng tích cực, giúp xoa dịu đối phương, kết nối các đối tác giao tiếp cả duy trì cuộc thoại.

b) Im lặng mang ý nghĩa đồng ý, tán đồng

“Im lặng” không chỉ thể hiện bất đồng, phản đối. Đối với người Việt, hình ảnh một cô gái im lặng, chỉ mỉm cười e thẹn khi nhận được lời tỏ tình của một chàng trai hẳn không hề xa lạ. Trong trường hợp này, “im lặng” là đồng ý. Xét tình huống sau đây:

- Vân: Này, anh Tiến ăn bánh chưng rán không?
- Tiến: Ồi dồi ơi, bánh chưng à?
- Vân: Bánh chưng rán đấy!
- Tiến: Ở đâu ra đây?
- Vân: Ở Vân.
- Tiến: Bánh chưng rán cần mỡ, bánh mì tôi cần bơ, yêu không cần có, cần là cần Vân cơ.
- Vân: [...] (*cắn môi, cười típ mắt, bỏ đi*)

(Trích Phim “11 tháng 5 ngày” - Tập 2)

Rõ ràng trong tình huống trên, hành vi “im lặng” đi kèm với những cử chỉ biểu hiện sự hạnh phúc xem lẫn ngược ngùng, e thẹn đã truyền tải rất rõ thông điệp “Vân đồng ý chấp nhận lời tỏ tình của Tiến”.

Xét một trường hợp khác:

- Vũ: Dũng, mày còn tiền không? Cho tao mượn đi.
- Dũng: Vồn tao chung làm ăn với mày không đủ mày bảo tao đào đâu cho mày vay.
- Vũ: Hay, chẳng nhẽ tao phải chui đầu vào rọ vậy sao?
- Dũng: Nghe giọng mày thì tao biết mày cũng xuôi theo số phận rồi.
- Vũ: [...]
- Dũng: Tính mày tao còn lạ gì nữa. Mày mà không thích thì cho dù có phải cời trần đóng khổ thì cũng không ai bắt ép được cơ mà. Còn chuyện tiền nong, mày không hỏi được tao thì mày thiếu gì chỗ xoay tiền, nhưng quan trọng là mày không có nhu cầu bức thiết dành cho việc đây, vì thực ra mày đã bắt đầu siêu lòng với con bé “xính lao” và cả đứa bé trong bụng nó nên chẳng qua là mày chưa nhìn thẳng vào sự thật đó thôi.
- Vũ: [...]
- Dũng: Sao, trình bày rõ quan điểm của mình đi chứ?
- Vũ: [...]
- Dũng: Im lặng nghĩa là đồng ý đấy nhé.
- Vũ: Tào lao.

(Trích phim “Về nhà đi con”, Tập 32)

Trong ví dụ trên, trước những lập luận đầy thuyết phục với những luận chứng rõ ràng của Dũng về việc Vũ đã thực sự “siêu lòng với con bé “xính lao” và cả đứa bé trong bụng, Vũ đã không thể phản bác và giữ im lặng ba lần liên tiếp. Ngay cả khi Dũng dồn ép Vũ “trình bày quan điểm”, Vũ vẫn im lặng. Rõ ràng, sự im lặng của Vũ trong trường hợp này đồng nghĩa với sự đồng ý, chấp nhận dù có phần miễn cưỡng với lập luận không thể chối cãi của Dũng. Chính Dũng cũng nhận ra điều này khi “chốt hạ” bằng lượt lời cuối cùng: “Im lặng là đồng ý đấy nhé.”. Đứng trước kết luận này của Dũng, Vũ chỉ có thể phủ nhận một cách yếu ớt; “Tào lao!”. Phát ngôn này của Vũ là một sự phủ nhận ý nghĩa đồng ý, chấp nhận của các hồi đáp im lặng trước đó của anh ta. Tuy nhiên ở đây, sức mạnh của ngôn từ không “chiến thắng” được sức mạnh của sự im lặng. Cho dù chủ thể im lặng cố tình phủ nhận, đối ngôn vẫn có đủ căn cứ và niềm tin để lí giải ý nghĩa sự im lặng của anh ta là trong trường hợp này có ý nghĩa đồng ý, chấp nhận.

c) *Im lặng thể hiện sự coi thường, thách thức*

Trong một số trường hợp, im lặng có thể thể hiện thái độ coi thường hay thách thức đối ngôn. Đây cũng làm một loại ý nghĩa người Việt thường nghĩ tới khi lí giải sự im lặng trong giao tiếp. Ví dụ:

- Nam: Sếp, sếp, good morning sếp!
- Long: Sao? Lại muốn kiện gì à?
- Nam: Không, à, àaa... Tôi đang muốn kiện ông trời tại sao lại có thể sinh ra một kiệt tác như anh?
- Long: [...] (*cười nhếch mép, bỏ đi*)

(Trích Phim “Hương vị tình thân”, tập 8)

Trên đây là đoạn thoại giữa một cô gái (Nam) và sếp (Long). Trước đó, vì hiểu lầm nên Nam đã có cách ứng xử làm cho Long khó chịu và nổi giận. Chính vì vậy, trong tình huống này, Nam có động thái chủ động “làm lành” và muốn kết nối, thiết lập lại mối quan hệ tốt đẹp giữa hai người. Tuy nhiên, đáp lại cô chỉ là sự im lặng kèm theo cử chỉ “*cười nhếch mép + bỏ đi*”. Những cử chỉ này là chỉ báo để diễn giải ý nghĩa của im lặng trong trường hợp này là thái độ ngạo mạn, coi thường của Long dành cho Nam.

d) Im lặng thể hiện sự đồng cảm, thấu hiểu

Nếu như trong nhiều trường hợp, im lặng là coi thường, thách thức thì trong một số tình huống khác, im lặng lại có ý nghĩa tích cực hơn rất nhiều. Xét ví dụ sau:

- Bảo: Tớ cứ nghĩ là người đặt tên cậu là Ánh Dương chắc phải yêu thương cậu lắm cơ. Coi cậu như ánh mặt trời cơ mà.
- Dương: Cậu chẳng bao giờ có thể biết ông ý yêu tớ đến nhường nào đâu.
- Bảo: Như nào?
- Dương: Từ lúc tớ sinh ra ông ấy còn chẳng nhòm nổi mắt tớ lấy một lần.
- Bảo: [...] (*Mặt chùng xuống, nhìn Dương*)
- Dương: Đi khai sinh người ta hỏi đặt tên tớ là gì, ông ấy ngó người ra một lúc rồi buông câu Dư, đặt tên nó là Dư. Từ lúc tớ sinh ra ông ấy đã luôn nghĩ tớ là cái loại dư thừa.
- Bảo: [...] (*Nét mặt buồn bã*)
- Dương: À, ông bà ngoại phát hiện ra mang giấy khai sinh của tớ đi sửa, thêm vắn ương vào mang tớ về nuôi và cấm cửa bỏ tớ 6 năm luôn.

(Trích Phim “Về nhà đi con”)

Trong tình huống trên, nghe Dương kể về kí ức buồn khi Dương không được bố chào đón và quan tâm chăm sóc khi ra đời vì Dương là con gái, Bảo đã lựa chọn im lặng nhìn Dương với nét mặt buồn bã. Ở đây, Bảo đóng vai một người lắng nghe và thấu hiểu. Hơn mọi lời động viên, an ủi, sự im lặng trong trường hợp này là sự lựa chọn hoàn hảo để Bảo thể hiện sự đồng cảm sâu sắc dành cho người bạn thân.

Ngoài các ý nghĩa nêu trên, im lặng trong hội thoại có thể mang rất nhiều ý nghĩa khác nữa. Im lặng có thể dùng để thể hiện nhiều trạng thái cảm xúc khác nhau như xúc động, ngạc nhiên, kinh hãi... Im lặng có thể là uy quyền, cũng có thể là yếu thế, bất lực. Im lặng có thể biểu hiện của sự bối rối, lưỡng lự, chưa suy nghĩ rành mạch, im lặng cũng có thể dùng để chủ động giữ kín bí mật hoặc lảng tránh những điều tế nhị, khó nói... Và đôi khi, im lặng đơn giản là để suy nghĩ, cân nhắc để tìm cách diễn đạt phù hợp như trong trường hợp sau:

- MC nữ: Thấy con rất là rụt rè nè. Ở nhà thì Khánh Huệ có hay [...] (*hai bàn tay đưa ra hơi mở*) ừm [...] (*hai bàn tay đưa ra, hơi mở*) những nhẽo với bố mẹ không? Thường con gái là rất hay những nhẽo nè, đúng không?
- Thí sinh: [...] (đầu hơi cúi, mắt nhìn xuống, cười tươi về ngại ngùng)

Trích Chương trình "Giọng hát Việt nhí"

Trong tình huống trên, những khoảng lặng giữa phát ngôn của MC không ẩn chứa hàm ý nào đặc biệt. Im lặng khi đi kèm với yếu tố xen ngôn thanh “ừm” và điệu bộ của đôi tay chỉ cho thấy MC chỉ đang ngập ngừng vì chưa tìm được từ ngữ phù hợp để diễn đạt chính xác ý tưởng của mình.

3. Kết luận

Qua phân tích một số tình huống giao tiếp của người Việt có yếu tố im lặng, chúng tôi nhận thấy ý nghĩa của im lặng trong các trường hợp khác nhau phải được diễn giải khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Vì vậy, có thể khẳng định, cũng giống như các yếu tố phi ngôn từ khác, sự im lặng trong giao tiếp mang tính đa nghĩa và phụ thuộc rất nhiều vào ngữ cảnh.

Căn cứ trên các tư liệu thực tế, chúng tôi đồng thuận với nhận xét của Nguyễn Quang (2009) khi ông cho rằng ý nghĩa của im lặng có thể là tích cực, tiêu cực hoặc trung tính. Im lặng tích cực thể hiện sự đồng thuận, sự tôn trọng, sự thấu hiểu, đồng cảm,... giúp tăng cường, củng cố hoặc duy trì quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp. Im lặng là tiêu cực khi nó thể hiện sự bất đồng, tảng lờ, khinh thường, thách thức,... gây ảnh hưởng xấu quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp. Im lặng trung tính biểu

hiện trạng thái, thái độ trung tính như: sự xúc động, phân vân, cân nhắc, sự gợi ý, chuyển đề tài... hay đơn giản là cần một khoảng lặng để tìm cách diễn đạt phù hợp nhất.

Sự im lặng trong giao tiếp thường không xuất hiện một mình, nó thường được kết hợp với những cử chỉ, điệu bộ khác để giúp chủ thể im lặng có thể truyền tải thông điệp một cách rõ ràng và chính xác nhất. Nó cũng là những chỉ báo quan trọng giúp người tiếp nhận giải mã đúng ý nghĩa của sự im lặng. Vì vậy, thông điệp ngầm ẩn mà im lặng truyền tải thông điệp không thể chỉ “được xác lập nhờ các phát ngôn trước (...) hoặc các phát ngôn sau (...)” (Phạm Văn Tình, 2006), mà còn phải căn cứ vào ngôn ngữ cử chỉ đi kèm và các yếu tố ngữ cảnh khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo của văn bản*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Dương (1996), *Im lặng - một hành vi ngôn ngữ*. Luận văn tốt nghiệp đại học, Khoa Ngữ văn, Đại học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
3. Phạm Văn Tình (2006), *Im lặng - Một nguyên lý hồi chỉ của tính lược ngữ dụng*, https://ngonngu.net/imlang_pvtinh/120.
4. Gillian Brown - George Yule (2002), *Phân tích diễn ngôn*, Trần Thuần dịch, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tiếng Anh

5. Allyson Jule (2004), *Gender, Participation and Silence in the Language Classroom*, Palgrave Macmillan, USA.
6. Blimes, J. (1994), *Constituting silence: life in the world of total meaning*. Semiotica, 98, pp.73-87.
7. Colum Kenny (2011), *The power of silence: Silent Communication in Daily Life*, Karnac Books Ltd, 118 Finchley Road, London NW3 5HT.
8. Jaworski, A., & Sachdev, I. (1998), "Beliefs about silence in the classroom". *Language and Education*, 12(4), pp.273-292.
9. Ikuko Nakane (2007), *Silence in Intercultural Communication: Perception and performance*. John Benjamins B.V.
10. Saville-Troike, M. (1985), *Chapter 1: The placed of silence in an integrated theory of communication*. In D. Tannen & M. Saville-Troike (Eds.), *Perspectives on silence* (pp.3-18). New Jersey: Ablex Publishing Corporation.
11. Đỗ Thị Lan Phương (2014), *PhD Thesis, School of Languages and Cultures*, The University of Queensland. <https://doi.org/10.14264/uql.2015.294>.

Meaning of silence in Vietnamese conversation

Abstract: Silence is one of important characteristics of conversation. By surveying 300 situations of Vietnamese conversations including 745 turns of silence, we find out that silence could has a lot of different meanings which could be positive, negative or neutral. Silence in communication does not appear alone. It often combines with gestures to help people to conveys meaning of message in the most effective way. Therefore, to clarify meaning of message conveyed by silence, we must base on enclosed verbal and non-verbal factors as well as other factors of the conversational situation.

Key words: Silence; non-verbal communication; gesture; body language; conversation.